



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Haiphong, July 22nd, 2024

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận Quý 2 năm 2024 so với Quý 2 năm 2023 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between Quarter 2.2024 vs Quarter 2.2023 from Separate and Consolidated statements of profit and loss as follows:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ/ Separate Financial Statements (Parent Company).

ĐVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2024/ Quarter II.2024	Quý II.2023/ Quarter II.2023	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	113,562	117,378	(3,816)	-3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	3,285	2,842	0,444	16%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	110,277	114,537	(4,260)	-4%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	83,911	84,839	(0,928)	-1%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	26,366	29,698	(3,332)	-11%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	45,005	0,002	45,003	2.393.399%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1,157	2,857	(1,701)	-60%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1,040	2,604	(1,563)	-60%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	21,494	21,568	(0,074)	0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	5,342	5,144	0,198	4%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	43,379	0,130	43,248	33.171%
11. Thu nhập khác	Other income	0,073	0,038	0,035	93%
12. Chi phí khác	Other expenses	0,000	0,028	(0,027)	-98%
13. Lợi nhuận khác	Other profit	0,073	0,011	0,062	592%

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2024/ Quarter II.2024	Quý II.2023/ Quarter II.2023	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	43,451	0,141	43,311	30.739%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	-	0,045	(0,045)	-100%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	43,451	0,096	43,355	45.130%

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ Quý 2 năm 2024 là 43,451 tỷ, tức là tăng 43,311 tỷ, tương ứng tăng 30.739% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ 1,55 tỷ đồng;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính - lợi nhuận được chia từ Công ty Con Đà Nẵng số tiền 45 tỉ đồng.

Ngoài ra, trong kỳ, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 4% trong khi giá vốn hàng bán giảm 1%, chi phí tài chính giảm 60% do lãi suất tiền vay giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước nên lợi nhuận trước thuế và sau thuế là 43,451 tỷ.

Profit before tax of the Parent Company in Quarter 2.2024 is 43.451 billion, increased by 43.311 billion, equivalent to 30,739% compared with that of the same period in 2023, in which:

- *The operating profit is a loss of VND 1.55 billion.*
- *Profit from financial activities - the post-tax profits from Halong Canfoco - Danang Company Limited (the subsidiary company) of 45 billion.*

In addition, in this quarter, the net revenue from sales of goods and rendering of services decreased by 4% while the COGS dropped by 1%, and the financial expenses decreased by 60% due to a sharp decrease in loan interest rates in comparison with the same period last year which led to the profit is 43.451 billion before tax and after tax.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statement:

DVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2024/ Quarter II.2024	Quý II.2023/ Quarter II.2023	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	168,109	193,089	(24,980)	-13%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	3,335	2,842	0,493	17%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	164,774	190,248	(25,473)	-13%
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	134,481	152,974	(18,492)	-12%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	30,293	37,274	(6,981)	-19%

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2024/ Quarter II.2024	Quý II.2023/ Quarter II.2023	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0,927	1,072	(0,145)	-14%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	2,405	3,948	(1,542)	-39%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1,606	3,323	(1,717)	-52%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	22,839	22,657	0,182	1%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	8,189	8,022	0,167	2%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	(2,214)	3,718	(5,932)	-160%
11. Thu nhập khác	Other income	0,073	0,038	0,035	93%
12. Chi phí khác	Other expenses	0,128	0,046	0,082	177%
13. Lợi nhuận khác	Other profit	(0,055)	(0,008)	(0,047)	555%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Net profit before tax	(2,269)	3,710	(5,979)	-161%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	0,039	0,602	(0,563)	-94%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Net profit after tax	(2,307)	3,108	(5,416)	-174%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Quý 2 năm 2024 lỗ 2,269 tỷ, tức là giảm 5,979 tỷ so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là Quý 2 năm 2023 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 13% (chủ yếu giảm doanh thu xuất khẩu) do hiện đã hết hạn ngạch miễn thuế của cá ngừ đóng hộp xuất khẩu đi EU trong khi giá vốn giảm 12%, chi phí tài chính giảm 39% do lãi tiền vay giảm và chi phí bán hàng tăng 1% do tăng các chi phí hỗ trợ bán hàng so với cùng kỳ năm trước. Vì vậy lợi nhuận trước thuế hợp nhất lỗ 2,269 tỷ và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lỗ 2,307 tỷ.

Profit before tax of the consolidated report in Quarter 2.2024 is a loss of 2.269 billion, decreased by 5.979 billion compared with that of the same period in 2023. The causes are that in the Quarter 2.2024, the net revenue of goods and service provide activities dropped by 13% (mainly decreased export revenue) due to the expiration of the tax-free quota for canned tuna exported to the EU, while the costs of goods sold decreased by 12%, the financial expenses dropped by 39% due to a decrease in loan interest rates and the selling expense increased by 1% due to increased sales support costs compared to the same period last year which led to a loss of 2.269 billion before tax and 2.307 billion after tax.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.
Our Company would like to explain to your Agency.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HÀ LONG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Sỹ Toàn